

Số: **3828** /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày **06** tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc của Công ty TNHH CS Tech Vina, Công ty TNHH Sam Hwan Vina, Chi nhánh Đồng Nai - Công ty TNHH Taeyang Việt Nam, Công ty cổ phần tập đoàn Austdoor - Chi nhánh Nhơn Trạch do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Nhơn Trạch

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của UBND huyện Nhơn Trạch tại Tờ trình số 458/TTr-UBND, Tờ trình số 459/TTr-UBND, Tờ trình số 462/TTr-UBND và Tờ trình số 463/TTr-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 808/TTr-LĐTBXH ngày 01 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc của Công ty TNHH CS Tech Vina, Công ty TNHH Sam Hwan Vina, Chi nhánh Đồng Nai - Công ty TNHH Taeyang Việt Nam, Công ty cổ phần tập đoàn Austdoor - Chi nhánh Nhơn Trạch do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Nhơn Trạch, như sau:

1. Công ty cổ phần tập đoàn Austdoor - Chi nhánh Nhơn Trạch gồm 112 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với số tiền là 112.000.000 đồng,

trong đó có 25 người lao động đang nuôi con nhỏ dưới 06 tuổi (27 trẻ em) với số tiền là 27.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 139.000.000 đồng (một trăm ba mươi chín triệu đồng chẵn).

2. Công ty TNHH Sam Hwan Vina gồm 29 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với số tiền là 29.000.000 đồng, trong đó có 10 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (12 trẻ em) với số tiền là 12.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 41.000.000 đồng (bốn mươi một triệu đồng chẵn).

3. Chi nhánh Đồng Nai - Công ty TNHH Taeyang Việt Nam gồm 19 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với số tiền là 19.000.000 đồng, trong đó có 07 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (07 trẻ em) với số tiền 7.000.000 đồng và 09 người lao động đang mang thai với số tiền 9.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng chẵn).

4. Công ty TNHH CS Tech Vina gồm 23 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với số tiền là 23.000.000 đồng, trong đó có 07 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (08 trẻ em) với số tiền là 8.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 31.000.000 đồng (ba mươi một triệu đồng chẵn).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định).

Nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND huyện Nhơn Trạch chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Nhơn Trạch và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng



DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AUSTDOOR - CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH

(Kèm theo Quyết định số 3828/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phần xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Mã số BHXH	Số CMND/thẻ căn cước công dân	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng)	Ký và ghi rõ họ tên
						Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
I. Hỗ trợ người lao động ngừng việc									
1	Nguyễn Văn Thảo	Nhân viên tài xế	Xác định thời hạn (36 tháng)	7524318891	271650828	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
2	Nguyễn Văn Khánh	Công nhân giao nhận	Không xác định thời hạn	7515146649	334817708	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
3	Nguyễn Thành Lâm	Công nhân giao hàng	Xác định thời hạn (36 tháng)	8724076879	341064268	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
4	Trần Trung Hiếu	Công nhân gia công	Xác định thời hạn (36 tháng)	7516133882	381857049	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
5	Lô Quang Huy	Công nhân giao hàng	Xác định thời hạn (36 tháng)	4016333498	187763306	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
6	Võ Bảo Châu	Phụ xe	Xác định thời hạn (36 tháng)	7021848957	285787941	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
7	Đặng Văn Chung	Công nhân giao nhận	Không xác định thời hạn	7915107461	334750675	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
8	Lê Văn Qui	Nhân viên lái xe kiêm giao hàng	Xác định thời hạn (36 tháng)	7513191793	371416317	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
9	Đoàn Văn Sáng	Nhân viên tài xế	Xác định thời hạn (36 tháng)	7516016593	352050333	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
10	Nguyễn Nhật Quang	Phụ xe	Xác định thời hạn (36 tháng)	8925266401	352583581	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Mã số BHXH	Số CMND/thẻ căn cước công dân	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng)	Ký và ghi rõ họ tên
						Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
11	Trần Thị Thu Hồng	Tập vụ	Không xác định thời hạn	7909250343	21733575	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
12	Lê Văn Dư	Nhân viên tài xế	Xác định thời hạn (36 tháng)	7910346730	341191356	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
13	Vũ Bảo Thành Chung	Nhân viên tài xế	Không xác định thời hạn	7516141809	079077002720	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
14	Trần Văn Dũng	Nhân viên tài xế	Không xác định thời hạn	0201009418	23380232	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
15	Nguyễn Tú Nhi	Nhân viên tài xế	Xác định thời hạn (36 tháng)	7910198550	212195849	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
16	Võ Hoàng Trường	Nhân viên tài xế	Xác định thời hạn (36 tháng)	0207327900	023618415	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
17	Nguyễn Anh Khoa	Nhân viên tài xế	Không xác định thời hạn	7526748515	276006632	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
18	Lê Minh Quang	Nhân viên tài xế	Xác định thời hạn (36 tháng)	0207042100	72076002788	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
19	Trần Hữu Kha	Nhân viên tài xế	Xác định thời hạn (36 tháng)	8023545929	300985411	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
20	Đào Phạm Hùng	Nhân viên QC Nhóm	Xác định thời hạn (36 tháng)	7911153567	271933698	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
21	Trần Trọng Thắng	Công nhân kiểm hàng	Xác định thời hạn (36 tháng)	7510112920	271920025	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
22	Đoàn Minh Dũng	Công nhân kiểm hàng	Xác định thời hạn (36 tháng)	7514177382	250945651	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
23	Kiên Quốc Việt	Nhân viên QC Cửa cuốn	Xác định thời hạn (36 tháng)	7514177696	352274602	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
24	Đỗ Ngọc Sơn	Nhân viên kiểm hàng	Xác định thời hạn (36 tháng)	7511205318	271992732	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	



TT	Họ và tên	Phòng, ban, phần xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Mã số BHXH	Số CMND/thẻ căn cước công dân	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng)	Ký và ghi rõ họ tên
						Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
25	Trần Thị Anh Thư	Nhân viên QC Sơn	Xác định thời hạn (36 tháng)	7525983797	272607398	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
26	Nguyễn Thị Hằng Trang	Nhân viên kiểm hàng nhóm	Xác định thời hạn (36 tháng)	3116068440	30196002007	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
27	Nguyễn Trung Thành	Nhân viên kiểm tra Đùn	Xác định thời hạn (36 tháng)	4420225099	194584771	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
28	Thân Hoàng Phương Ngôn	Công nhân kho	Xác định thời hạn (36 tháng)	4707186356	271585628	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
29	Nguyễn Minh Đức	Công nhân kho	Xác định thời hạn (36 tháng)	7511205914	271920659	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
30	Nguyễn Văn Chương	Công nhân kho	Xác định thời hạn (36 tháng)	9622113961	381965007	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
31	Nguyễn Thành Quyết	Công nhân kho	Xác định thời hạn (36 tháng)	9622204948	381020338	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
32	Nguyễn Lương Bằng	Công nhân kho	Xác định thời hạn (36 tháng)	4216527252	183205183	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
33	Vũ Đình Thoại	Công nhân kho	Xác định thời hạn (36 tháng)	3622347470	36094009004	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
34	Nguyễn Ngọc Hoàng	Công nhân kho	Xác định thời hạn (36 tháng)	4220650933	184399443	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
35	Tôn Đức Hùng	Công nhân kho	Xác định thời hạn (36 tháng)	4217540039	184324012	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
36	Huỳnh Hoài Ân	Công nhân kho	Xác định thời hạn (36 tháng)	9222506116	362194040	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
37	Lê Trung Khánh	Công nhân kho	Xác định thời hạn (36 tháng)	7509035057	271604234	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
38	Nguyễn Văn Sánh	Công nhân kho	Xác định thời hạn (36 tháng)	4217083276	183776293	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Mã số BHXH	Số CMND/thẻ căn cước công dân	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng)	Ký và ghi rõ họ tên
						Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
39	Nguyễn Như Ý	Công nhân kho	Xác định thời hạn (36 tháng)	9623099640	382042025	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
40	Nguyễn Thành Danh	Nhân viên bảo trì	Xác định thời hạn (36 tháng)	7514201915	272138395	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
41	Ngô Văn Châu	Nhân viên vận hành trạm xử lý nước thải	Xác định thời hạn (36 tháng)	7516014496	221401803	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
42	Trần Quang Kha	Công nhân cơ khí	Xác định thời hạn (36 tháng)	7514191501	272981501	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
43	Nguyễn Thị Khuyến	Công nhân tổ bao gói	Xác định thời hạn (36 tháng)	7516130244	381543682	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
44	Lê Hoàng Hiệp	Công nhân tổ bao gói	Xác định thời hạn (36 tháng)	7513192613	271932242	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
45	Trần Hồng Nhiên	Công nhân tổ bao gói	Xác định thời hạn (36 tháng)	9423213086	365019018	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
46	Hồ Nhật Huy	Công nhân đóng gói	Xác định thời hạn (36 tháng)	8621513368	331829918	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
47	Ngô Văn Lệ	Công nhân đóng gói	Xác định thời hạn (36 tháng)	6021581827	261469469	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
48	Phùng Thị Huệ	Công nhân đóng gói	Xác định thời hạn (36 tháng)	0220608629	073420740	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
49	Nguyễn Văn Huỳnh	Công nhân đóng gói	Xác định thời hạn (36 tháng)	7512153614	271964852	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
50	Trần Kim Ngân	Công nhân Tổ bao gói	Xác định thời hạn (36 tháng)	8924453547	352598352	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
51	Nguyễn Văn Tám	Công nhân sản xuất xưởng dùn	Xác định thời hạn (36 tháng)	7527049314	271932588	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
52	Trần Văn Bìa	Công nhân sản xuất dùn	Xác định thời hạn (36 tháng)	9621685216	381918456	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phần xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Mã số BHXH	Số CMND/hệ căn cước công dân	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng)	Ký và ghi rõ họ tên
						Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
53	Trương Văn Kiến	Công nhân máy phụ	Xác định thời hạn (36 tháng)	7515146045	341909274	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
54	Nguyễn Hoàng Nhân	Công nhân gia công	Xác định thời hạn (36 tháng)	7513192058	352393107	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
55	Huỳnh Văn Khang	Công nhân Tổ đùn ép nhôm	Xác định thời hạn (36 tháng)	9623018282	381992171	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
56	Siu Sot	Công nhân Tổ đùn ép nhôm	Xác định thời hạn (36 tháng)	6423267650	231318213	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
57	Nguyễn Tấn Quyền	Công nhân Tổ đùn ép nhôm	Xác định thời hạn (36 tháng)	7513190383	381559282	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
58	Lê Vũ Linh	Công nhân máy phụ	Xác định thời hạn (36 tháng)	9621832687	381574436	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
59	Lê Văn Tiền	Công nhân Tổ đùn ép nhôm	Xác định thời hạn (36 tháng)	7510028887	371623114	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
60	Bùi Văn Phi	Công nhân Tổ ép đùn nhôm	Xác định thời hạn (36 tháng)	8722122641	341674606	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
61	Nguyễn Vũ Phương	Công nhân Tổ ép đùn nhôm	Xác định thời hạn (36 tháng)	7512158514	352228013	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
62	Võ Văn Hội	Công nhân sản xuất xương đùn	Xác định thời hạn (36 tháng)	7510013787	370972328	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
63	Nguyễn Văn Tàu	Công nhân gia công	Xác định thời hạn (36 tháng)	7515131457	272706863	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
64	Trần Văn Nguyễn	Công nhân Tổ đùn ép nhôm	Xác định thời hạn (36 tháng)	7409267353	381401989	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
65	Lê Văn Hậu	Công nhân gia công	Xác định thời hạn (36 tháng)	8925200910	351352388	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
66	Trần Cao Cường	Công nhân máy phụ	Xác định thời hạn (36 tháng)	7515149180	351926641	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Mã số BHXH	Số CMND/thẻ căn cước công dân	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng)	Ký và ghi rõ họ tên
						Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
67	Phạm Văn Tuấn	Công nhân sản xuất xưởng dùn	Xác định thời hạn (36 tháng)	7508123330	311636850	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
68	Liêu Thanh Đậm	Công nhân Tổ ép dùn nhôm	Xác định thời hạn (36 tháng)	9622040015	381882871	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
69	Hồ Văn Mẫn	Công nhân tổ đột nan	Xác định thời hạn (36 tháng)	7513007568	365867962	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
70	Nguyễn Hoàng Thuận	Công nhân tổ đột nan	Xác định thời hạn (36 tháng)	7516139291	272651533	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
71	Trần Thanh Tâm	Công nhân cơ khí	Xác định thời hạn (36 tháng)	7510013727	271604211	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
72	Phạm Văn Phúc	Nhân viên kiểm tra chất lượng	Không xác định thời hạn	7526273185	272314569	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
73	Cao Đức Hóa	Công nhân gia công sản xuất	Xác định thời hạn (36 tháng)	2717010429	044092003516	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
74	Võ Văn Hiền	Công nhân sản xuất phụ kiện, giá đỡ	Xác định thời hạn (36 tháng)	7513154976	271406380	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
75	Phạm Quang Trọng	Công nhân sản xuất phụ kiện, giá đỡ	Xác định thời hạn (36 tháng)	7915192547	271604917	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
76	Huỳnh Trung Tài	Công nhân sản xuất phụ kiện, giá đỡ	Xác định thời hạn (36 tháng)	8925706956	351872121	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
77	Huỳnh Văn Nơi	Công nhân sản xuất phụ kiện, giá đỡ	Xác định thời hạn (36 tháng)	7516162519	381603640	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
78	Hồ Thái Trung	Công nhân đứng máy	Xác định thời hạn (36 tháng)	8422458692	334949547	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
79	Cao Xuân Long	Công nhân sản xuất phụ kiện, giá đỡ	Xác định thời hạn (36 tháng)	6622461499	241787527	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
80	Huỳnh Ngọc Tiến	Công nhân sản xuất cửa cuốn	Không xác định thời hạn	4704061014	260929133	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phần xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Mã số BHXH	Số CMND/thẻ căn cước công dân	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng)	Ký và ghi rõ họ tên
						Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
81	Nguyễn Văn Mến	Công nhân sản xuất cửa cuốn	Không xác định thời hạn	7525953385	272475301	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
82	Nguyễn Văn Hoàng Sơn	Công nhân gia công	Không xác định thời hạn	7512167445	334797602	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
83	Đinh Quang Chương	Công sản xuất cửa gỗ	Xác định thời hạn (36 tháng)	4420123263	044074000765	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
84	Nguyễn Chí Phúc	Công nhân tổ khe thoát	Xác định thời hạn (36 tháng)	9421895258	366117644	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
85	Võ Phước Hạng	Công nhân tổ khuôn	Xác định thời hạn (36 tháng)	8925189063	352447965	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
86	Ngô Văn Mực	Công nhân tổ khuôn	Xác định thời hạn (36 tháng)	7511206467	341140793	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
87	Nguyễn Thị Tây	Công nhân lắp ráp đóng gói	Xác định thời hạn (36 tháng)	7508008064	271575792	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
88	Huỳnh Trí Nguyễn	Công nhân lắp ráp đóng gói	Xác định thời hạn (36 tháng)	7021161581	285751034	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
89	Nguyễn Thành Lâm	Công nhân gia công	Không xác định thời hạn	7516133673	341432266	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
90	Nguyễn Thị Yến Linh	Công nhân lắp ráp đóng gói	Xác định thời hạn (36 tháng)	7514006305	352485802	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
91	Nguyễn Thị Phương	Công nhân lắp ráp đóng gói	Xác định thời hạn (36 tháng)	7525771517	052578552	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
92	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Công nhân lắp ráp đóng gói	Xác định thời hạn (36 tháng)	7525792318	276054811	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
93	Phạm Hồng Loan	Công nhân lắp ráp đóng gói	Xác định thời hạn (36 tháng)	4705026560	271479429	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
94	Lê Thị Thanh Tuyền	Công nhân lắp ráp đóng gói	Xác định thời hạn (36 tháng)	7912400533	221122288	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Mã số BHXH	Số CMND/thẻ căn cước công dân	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng)	Ký và ghi rõ họ tên
						Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
95	Đinh Thị Thanh Thảo	Công nhân lắp ráp đóng gói	Xác định thời hạn (36 tháng)	2717009485	044194002033	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
96	Nguyễn Quang Đức	Công nhân xưởng sơn	Xác định thời hạn (36 tháng)	7511129147	271533669	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
97	Võ Thành Hiếu	Công nhân đóng gói	Xác định thời hạn (36 tháng)	7513015595	351674941	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
98	Võ Thị Xuân Diễm	Công nhân Tổ sơn	Xác định thời hạn (36 tháng)	7510194175	271479252	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
99	Trần Thị Đài Trang	Công nhân Tổ sơn	Xác định thời hạn (36 tháng)	7516070915	352336985	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
100	Nguyễn Ánh Sao	Công nhân Tổ sơn	Xác định thời hạn (36 tháng)	7509087217	271509005	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
101	Trần Văn Nhi	Công nhân Tổ sơn	Xác định thời hạn (36 tháng)	7516120741	331277100	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
102	Phạm Hoàng Lợi	Công nhân Tổ sơn	Xác định thời hạn (36 tháng)	9621867547	381493637	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
103	Nguyễn Văn Nhỏ	công nhân xưởng đun nhôm	Xác định thời hạn (36 tháng)	7415159059	312227184	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
104	Lê Đình Dương	Tổ trưởng sản xuất	Không xác định thời hạn	7508088827	211733948	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
105	Nguyễn Văn Lộc	Công nhân tổ tấm liên	Xác định thời hạn (36 tháng)	7509086935	271903513	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
106	Nguyễn Ngọc Dương	Công nhân tổ tấm liên	Xác định thời hạn (36 tháng)	7516162693	371252004	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
107	Trương Hoài Duy	Công nhân sản xuất phụ kiện, giá đỡ	Xác định thời hạn (36 tháng)	0203145850	072080003898	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
108	Trần Công Tuấn	Công nhân gia công	Xác định thời hạn (36 tháng)	8925141303	351645210	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phần xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Mã số BHXH	Số CMND/thẻ căn cước công dân	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng)	Ký và ghi rõ họ tên
						Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
109	Nguyễn Văn Tèo	Công nhân Tổ sơn	Xác định thời hạn (36 tháng)	9623034231	381454643	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
110	Nguyễn Văn Thái	Công nhân Tổ ép dũa nhôm	Xác định thời hạn (36 tháng)	8925210899	352698839	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
111	Phạm Văn Nhiều	Công nhân gia công	Xác định thời hạn (36 tháng)	7526742882	381920718	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	
112	Phạm Thanh Thảo	Công nhân tổ sản xuất	Xác định thời hạn (36 tháng)	9622421020	381970834	08/08/2021	30/09/2021	1.000.000	

II. Hỗ trợ người lao động ngừng việc đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi

TT	Họ và tên	Số CMND/thẻ căn cước công dân	Thông tin về con và vợ hoặc chồng			Số tiền hỗ trợ	Ký và ghi rõ họ tên
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2		
1	Nguyễn Văn Thảo	271650828	Nguyễn Ngọc Anh Thư	18/05/2019	Nguyễn Thị Thu Hằng	1.000.000	
2	Nguyễn Thành Lâm	341064268	Nguyễn Trường Thịnh	28/10/2016	Bùi Thị Tiến	1.000.000	
3	Lê Văn Quý	371416317	Lê Trần Trung Định	02/01/2018	Trần Thị Kiều Thủy	1.000.000	
4	Lê Văn Dư	341191356	Lê Thị Ngọc Trinh	08/09/2015	Nguyễn Thị Thu	1.000.000	
5	Nguyễn Tú Nhi	212195849	Nguyễn Lê Anh Khởi	12/11/2019	Lê Thị Ngọc	1.000.000	
6	Võ Hoàng Trường	23618415	Võ Hoàng Gia Huy	18/11/2019	Lê Đoàn Thùy Linh	1.000.000	
7	Nguyễn Anh Khoa	276006632	Nguyễn Lê Nhật Minh	07/07/2019	Lê Thị Huyền Trâm	1.000.000	
8	Đào Phạm Hùng	271933698	Đào Nguyễn Đức Khởi	19/10/2017	Nguyễn Thị Hồng Vân	1.000.000	
9	Kiên Quốc Việt	352274602	Kiên Ngô Ngọc Nhiên	08/01/2020	Ngô Ngọc Tú	1.000.000	

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Mã số BHXH	Số CMND/thẻ căn cước công dân	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng)	Ký và ghi rõ họ tên
						Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
10	Trần Thị Anh Thư	272607398	Huỳnh Trần Hoàng Tuấn	13/12/2018		Huỳnh Thanh Hạp		1.000.000	
11	Nguyễn Trung Thành	194584771	Nguyễn Trần Nhã Uyên	12/02/2017	18/07/2020	Trần Thị Mỹ Trường		1.000.000	
			Nguyễn Trần Thiên Phúc	1.000.000					
12	Ngô Văn Lệ	261469469	Ngô Võ Kiều My	09/08/2020		Võ Thị Thu Thảo		1.000.000	
13	Nguyễn Văn Huỳnh	271964852	Nguyễn Ngọc Gia Hân	10/04/2020		Hồ Huỳnh Bảo Ngân		1.000.000	
14	Phạm Quang Trọng	271604917	Phạm Kim Xuân	16/12/2020		Nguyễn Thị Tuyết Hạnh		1.000.000	
15	Nguyễn Thị Yến Linh	352485802	Nguyễn Thị Ngọc Mai	29/10/2018		Nguyễn Tuấn Kiệt		1.000.000	
16	Võ Thị Xuân Diễm	271479252	Lương Võ Minh Quân	20/11/2015		Lương Văn Cường		1.000.000	
17	Trần Văn Nhì	331277100	Trần Tuyết Nhung	22/02/2016		Trương Tuyết Lan		1.000.000	
18	Phạm Hoàng Lợi	381493637	Phạm Trọng Đại	07/05/2016		Nguyễn Thu Ba		1.000.000	
19	Phạm Văn Nhiều	381920718	Phạm Huỳnh Tuyết My	26/10/2017		Huỳnh Thị Nhi		1.000.000	
20	Huỳnh Ngọc Tiến	260929133	Huỳnh Minh Trí	15/01/2018		Phạm Thị Hà		1.000.000	
21	Lê Văn Tiền	371623114	Lê Kim Vàng	20/06/2019		Đặng Thị Hiếu		1.000.000	
22	Trần Văn Nguyễn	381401989	Trần Hiếu Lam	13/10/2019		Trần Mai Ly		1.000.000	
23	Lê Văn Hậu	351352388	Lê Ngọc Châu	15/09/2016		Đặng Thị Kim Nhân		1.000.000	

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Mã số BHXH	Số CMND/thẻ căn cước công dân	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng)	Ký và ghi rõ họ tên
						Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
24	Phạm Văn Tuấn	311636850	Phạm Yến Nhi	28/02/2020	Hoàng Thị Hiền			1.000.000	
			Phạm Hoàng Như	06/01/2016				1.000.000	
25	Nguyễn Hoàng Thuận	272651533	-	01/07/2021	Lê Thị Thùy Hương			1.000.000	
TỔNG CỘNG (I+II)									139.000.000

Tổng số tiền hỗ trợ là: 139.000.000 đồng
(Một trăm ba mươi chín triệu đồng chẵn)



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Sơn Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID -19 CỦA CÔNG TY TNHH SAM HWAN VINA

(Kèm theo Quyết định số 3828 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Mã số BHXH	Thời gian tạm hoãn HDL/Đ/nghỉ không lương		Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng)	Ký và ghi rõ họ tên	Số CMND/thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm			
I. Hỗ trợ người lao động ngừng việc									
1	Châu Hoài Bảo	Tài xế	Không thời hạn	7516135288	10/08/2021	20/09/2021	1.000.000		271553038
2	Trần Thị Kim Ngân	Nhân viên xuất nhập khẩu	Có thời hạn	7415181290	19/08/2021	20/09/2021	1.000.000		272258316
3	Nguyễn Hồng Dũ	Nhân viên Kho	Không thời hạn	4707172397	10/08/2021	20/09/2021	1.000.000		271492022
4	Đỗ Tam Ngân	Nhân viên Kho	Không thời hạn	4705035506	21/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271565216
5	Lê Thị Diệu	Nhân viên đầu bếp	Không thời hạn	7513197383	14/09/2021	20/09/2021	1.000.000		351700556
6	Phạm Thị Kiều	Nhân viên đầu bếp	Không thời hạn	7515143659	16/08/2021	20/09/2021	1.000.000		271269096
7	Nguyễn Thị Kim Chi	Nhân viên phụ bếp	Không thời hạn	7526103952	21/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271585493
8	Lê Văn Dung	Nhân viên tạp vụ	Không thời hạn	7509107763	16/08/2021	20/09/2021	1.000.000		351052962
9	Bạch Ngọc Dung	Nhân viên tạp vụ	Không thời hạn	7512155277	16/08/2021	20/09/2021	1.000.000		371312765
10	Nguyễn Thị Mai	Nhân viên tạp vụ	Không thời hạn	7511170823	21/07/2021	20/09/2021	1.000.000		351365432

11	Nguyễn Thị Tuyết Vân	Nhân viên tạp vụ	Có thời hạn	7508237475	21/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271166084
12	Trần Văn Long	Công nhân trùm bọc	Không thời hạn	7510105237	21/07/2021	20/09/2021	1.000.000		351178992
13	Đặng Văn Em	Công nhân trùm bọc	Có thời hạn	7510199183	21/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271269063
14	Nguyễn Cao Thắng	Nhân viên lái xe nâng	Không thời hạn	7510089339	10/08/2021	20/09/2021	1.000.000		271845979
15	Nguyễn Văn Út Tư	Công nhân đứng máy dây đai	Không thời hạn	7414141880	21/07/2021	20/09/2021	1.000.000		352098374
16	Hồ Quốc Tạo	Công nhân đứng máy dây đai	Không thời hạn	7511169092	10/08/2021	20/09/2021	1.000.000		271560038
17	Trần Văn Lắm	Công nhân đứng máy dây đai	Không thời hạn	7512153984	21/07/2021	20/09/2021	1.000.000		363794921
18	Lê Văn Lắm	Công nhân đứng máy dây đai	Không thời hạn	7510009206	10/08/2021	20/09/2021	1.000.000		271834840
19	Nguyễn Văn Hòa	Công nhân đứng máy dây đai	Không thời hạn	7526103953	06/08/2021	20/09/2021	1.000.000		276096868
20	Phạm Hoàng Em	Công nhân đứng máy dây đai	Không thời hạn	8923514235	21/07/2021	20/09/2021	1.000.000		341697015
21	Lê Trung Kiên	Công nhân đứng máy dây đai	Không thời hạn	7525896832	16/08/2021	20/09/2021	1.000.000		272861001
22	Dương Thanh Minh	Trưởng ca sản xuất	Không thời hạn	7508190602	09/08/2021	20/09/2021	1.000.000		183309123
23	Trần Văn Quyết	Công nhân đứng máy dây đai	Không thời hạn	7509107761	16/08/2021	20/09/2021	1.000.000		168256564
24	Nguyễn Trung Dũng	Công nhân đứng máy dây đai	Không thời hạn	7716039543	21/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271486858
25	Đặng Văn Tuấn	Công nhân đứng máy dây đai	Không thời hạn	7510193656	21/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271856821

26	Nguyễn Thanh Tuyền	Công nhân đứng máy dây đai	Không thời hạn	7515148348	10/08/2021	20/09/2021	1.000.000		331480683
27	Nguyễn Thành Châu	Công nhân đứng máy dây đai	Không thời hạn	7512157904	10/08/2021	20/09/2021	1.000.000		272300369
28	Châu Minh Thanh	Công nhân đứng máy dây đai	Không thời hạn	7511165950	10/08/2021	20/09/2021	1.000.000		272031650
29	Lê Văn Hồng Quý	Công nhân đứng máy dây đai	Không thời hạn	7513194733	10/08/2021	20/09/2021	1.000.000		272350311

II. Hỗ trợ người lao động ngừng việc đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi

TT	Họ và tên	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CM/Thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng)	Ký và ghi rõ họ tên	Số CMND/thẻ căn cước công dân
1	Đặng Văn Tuấn	Đặng Ngọc Bảo Trân	11/11/2017	Trần Thị Hà Mi	385037443	1.000.000		271856821
2	Châu Minh Thanh	Châu Kiều Như Quỳnh	28/07/2017	Lê Thị Thanh Hiền	272924538	1.000.000		272031650
		Châu Minh Kha	22/09/2019		272924538	1.000.000		272031650
3	Dương Thanh Minh	Dương Thanh Bình	10/01/2018	Nguyễn Thị Thương	184473815	1.000.000		183309123
4	Nguyễn Thành Châu	Nguyễn Thành Quân	17/02/2017	Nguyễn Thị Tuyết Phương	272951373	1.000.000		272300369
		Nguyễn Thành Trung	11/09/2015		272951373	1.000.000		272300369
5	Trần Văn Lắm	Trần Văn Trọng	14/09/2016	Võ Thị Hồng	353733446	1.000.000		363794921
6	Lê Văn Hồng Quý	Lê Nhã Uyên	02/11/2017	Kiều Thị Vân Anh	272522683	1.000.000		272350311
7	Nguyễn Trung Dũng	Nguyễn Ngọc Nghi Dung	22/04/2019	Nguyễn Thị Bích Liễu	271994033	1.000.000		321197339
8	Lê Văn Lắm	Lê Quý Khang	17/11/2015	Châu Ngọc Sương	272226285	1.000.000		271834840

9	Nguyễn Cao Thắng	Nguyễn Cao Quỳnh Nhi	13/08/2018	Trần Thị Kim Thoa	351608279	1.000.000		271845979
10	Trần Thị Kim Ngân	Phan Thiên Ân	19/05/2017	Phan Thành Thiện	272247049	1.000.000		272258316
TỔNG CỘNG (I + II + III)						41.000.000		

Tổng số tiền hỗ trợ là: 41.000.000 đồng
(Bốn mươi một triệu đồng chẵn)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



(Handwritten signature in blue ink)

Nguyễn Sơn Hùng

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID -19
CỦA CHI NHÁNH ĐỒNG NAI - CÔNG TY TNHH TÂY ANH VIỆT NAM

(Kèm theo Quyết định số 3828/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Mã số BHXH	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngỉ không lương		Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng)	Ký và ghi rõ họ tên	Số CMND/thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm			
I. Hỗ trợ người lao động ngừng việc									
1	LÊ THỊ HƯƠNG	Trợ lý Trưởng phòng nhân sự	Không xác định thời hạn	7509086228	01/08/2021	30/08/2021	1.000.000		173057078
2	PHẠM THỊ MAI	Nhân Viên QA	Xác định thời hạn (12 tháng)	3820944661	01/08/2021	30/08/2021	1.000.000		174967921
3	NGÔ THỊ CẨM LOAN	Công Nhân Kiểm Hàng	Xác định thời hạn (12 tháng)	7516038047	01/08/2021	30/08/2021	1.000.000		301684278
4	LÊ THỊ SƯƠNG	công nhân vệ sinh nắp	Xác định thời hạn (12 tháng)	4620483378	01/08/2021	30/08/2021	1.000.000		191657420
5	H NGAO BYÃ	Công Nhân Đóng gói	Xác định thời hạn (12 tháng)	6623445720	01/08/2021	30/08/2021	1.000.000		241742519
6	PHẠM THỊ NGỌC NHI	Công Nhân Kỹ Thuật Máy Dành Bông	Xác định thời hạn (12 tháng)	5121650985	01/08/2021	30/08/2021	1.000.000		212679477
7	NGUYỄN THỊ THUY LOAN	tổ trưởng	Không xác định thời hạn	8925754357	01/08/2021	30/08/2021	1.000.000		352728584
8	NÉANG SA VONH	Công Nhân Đóng Gói	Xác định thời hạn (12 tháng)	7413145439	01/08/2021	30/08/2021	1.000.000		352438053
9	PHẠM THỊ THỊ	Công Nhân Xi Mạ	Xác định thời hạn (12 tháng)	8723992758	01/08/2021	30/08/2021	1.000.000		341773506
10	HỒ THỊ THÀNH	Trợ lý Trưởng phòng nhân sự	Không xác định thời hạn	7510197163	01/08/2021	30/08/2021	1.000.000		182443424
11	BÙI THỊ THU HÀ	Trưởng Phòng Sales	Không xác định thời hạn	7511209262	01/08/2021	30/08/2021	1.000.000		271793470

12	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	Trưởng Phòng Kinh Doanh	Xác định thời hạn (12 tháng)	0207473624	01/08/2021	30/08/2021	1.000.000		023874192
13	TRẦN THANH THẢO	Nhân Viên Bán Hàng Online	Xác định thời hạn (12 tháng)	7721822951	01/08/2021	30/08/2021	1.000.000		077301002082
14	VÕ THỊ BẢO HÀ	Kế Toán Trưởng	Không xác định thời hạn	4706092512	01/08/2021	30/08/2021	1.000.000		271487906
15	LÊ THỊ NGỌC HẠNH	Nhân viên Kế toán tổng hợp	Không xác định thời hạn	4707172317	01/08/2021	30/08/2021	1.000.000		271553628
16	HOÀNG THỊ KIM NGÂN	Nhân Viên Kế Toán	Không xác định thời hạn	7513182974	01/08/2021	30/08/2021	1.000.000		271896635
17	NGUYỄN ĐỨC NAM	Nhân Viên Kế Toán	Không xác định thời hạn	7525830920	01/08/2021	30/08/2021	1.000.000		272553626
18	NGUYỄN VĂN BÌNH	Công Nhân Kỹ Thuật Máy Đánh Bóng	Không xác định thời hạn	8322725715	01/08/2021	30/08/2021	1.000.000		320856068
19	NGÔ THỊ CẨM TÚ	Nhân Viên Bán Hàng	Xác định thời hạn (12 tháng)	8022087022	01/08/2021	30/08/2021	1.000.000		301723484

II. Hỗ trợ người lao động ngừng việc đang mang thai									
TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục I	Số CMND/thẻ căn cước công dân	Số tiền hỗ trợ	Ký và ghi rõ họ tên				
1	LÊ THỊ HUƠNG	1	173057078	1.000.000					
2	PHẠM THỊ MAI	2	174967921	1.000.000					
3	NGÔ THỊ CẨM LOAN	3	301684278	1.000.000					
4	LÊ THỊ SƯƠNG	4	191657420	1.000.000					
5	H NGAO BYẢ	5	241742519	1.000.000					
6	PHẠM THỊ NGỌC NHI	6	212679477	1.000.000					
7	NGUYỄN THỊ THUY LOAN	7	352728584	1.000.000					



8	NEANG SA VONH	8	352438053	1,000,000	
9	PHAM THI THI	9	341773506	1,000,000	

III. Hỗ trợ người lao động ngừng việc đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi

TT	Họ và tên	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMIT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng)	Ký và ghi rõ họ tên	Số CMND/thẻ căn cước công dân
1	LÊ THỊ HUƠNG	TRẦN THANH PHÚC	21/02/2016	LÊ THỊ HUƠNG	173057078	1,000,000		173057078
2	BÙI THỊ THU HÀ	LÊ HÀ ANH	16/05/2016	BÙI THỊ THU HÀ	271793470	1,000,000		271793470
3	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	BRISTER KHÁNH NGUYỄN	20/03/2020	Brister Richard Anthony Johan	Số hộ chiếu 546461899	1,000,000		23874192
4	VÕ THỊ BẢO HÀ	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	20/01/2019	VÕ THỊ BẢO HÀ	271487906	1,000,000		271487906
5	LÊ THỊ NGỌC HẠNH	TÀ NGỌC QUÊ HUƠNG	12/01/2017	LÊ THỊ NGỌC HẠNH	271553628	1,000,000		271553628
6	HOÀNG THỊ KIM NGÂN	LÊ CHÂN HƯNG	21/10/2017	HOÀNG THỊ KIM NGÂN	271896635	1,000,000		271896635
7	LÊ THỊ SƯƠNG	VÕ LÊ THẢO NHI	08/11/2018	LÊ THỊ SƯƠNG	191657420	1,000,000		191657420
TỔNG CỘNG (I + II + III)						35.000.000		

Tổng số tiền hỗ trợ là: 35.000.000 đồng
(Ba mươi lăm triệu đồng chẵn)



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Sơn Hùng

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID -19 CỦA CÔNG TY TNHH CS TECH VINA

(Kèm theo Quyết định số 3228/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Mã số BHXH	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/người không lương		Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng)	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên tài khoản	Số TK	Ngân hàng	
I. Hỗ trợ người lao động ngừng việc											
1	Đoàn Hồng Việt	Văn phòng chính	Xác định thời hạn 12 tháng	7508069244	19/07/2021	30/09/2021	1.000.000	Đoàn Hồng Việt	700012515863	Ngân hàng Shinhan	271701347
2	Trần Hoàng Thương	Văn phòng xưởng	Xác định thời hạn 12 tháng	7914025890	22/07/2021	30/09/2021	1.000.000	Trần Hoàng Thương	700014462644	Ngân hàng Shinhan	321318335
3	Trần Thị Ngọc	Văn phòng xưởng	Xác định thời hạn 12 tháng	7511168492	19/07/2021	30/09/2021	1.000.000	Trần Thị Ngọc	700012954102	Ngân hàng Shinhan	272898809
4	Nguyễn Tuấn Khanh	Văn phòng xưởng	Xác định thời hạn 12 tháng	7525952041	10/07/2021	30/09/2021	1.000.000	Nguyễn Tuấn Khanh	700016943230	Ngân hàng Shinhan	272702195
5	Đoàn Hồng Phúc	SMT	Xác định thời hạn 12 tháng	7525952047	19/07/2021	30/09/2021	1.000.000	Đoàn Hồng Phúc	700017653149	Ngân hàng Shinhan	272898550
6	Phạm Dyvon	SMT	Xác định thời hạn 12 tháng	7929632594	19/07/2021	30/09/2021	1.000.000	Phạm Dyvon	700017659391	Ngân hàng Shinhan	272759642
7	Nguyễn Thị Trúc Chi	SMT	Xác định thời hạn 12 tháng	8011040675	10/07/2021	30/09/2021	1.000.000	Nguyễn Thị Trúc Chi	700018559418	Ngân hàng Shinhan	272129069
8	Nguyễn Hoàng Nam	ASSY	Xác định thời hạn 12 tháng	7525928544	19/07/2021	30/09/2021	1.000.000	Nguyễn Hoàng Nam	700018807415	Ngân hàng Shinhan	272898591
9	Đoàn Hồng Thắm	SMT	Xác định thời hạn 12 tháng	7510127891	19/07/2021	30/09/2021	1.000.000	Đoàn Hồng Thắm	700018807529	Ngân hàng Shinhan	272002371
10	Nguyễn Phước Hoàng Minh	SMT	Xác định thời hạn 12 tháng	7222734805	12/07/2021	30/09/2021	1.000.000	Nguyễn Phước Hoàng Minh	700018807408	Ngân hàng Shinhan	072088005716
11	Lê Nhật Minh	SMT	Xác định thời hạn 12 tháng	7516159906	19/07/2021	30/09/2021	1.000.000	Lê Nhật Minh	700013907670	Ngân hàng Shinhan	352566292
12	Nguyễn Hữu Trí	SMT	Xác định thời hạn 12 tháng	8922745217	22/07/2021	30/09/2021	1.000.000	Nguyễn Hữu Trí	700018807510	Ngân hàng Shinhan	352084270
13	Trần Mạnh	SMT	Xác định thời hạn 12 tháng	7516003630	22/07/2021	30/09/2021	1.000.000	Trần Mạnh	700009761728	Ngân hàng Shinhan	241765896
14	Nguyễn Trọng Khang	SMT	Xác định thời hạn 12 tháng	7515144632	22/07/2021	30/09/2021	1.000.000	Nguyễn Trọng Khang	700005954683	Ngân hàng Shinhan	341781974
15	Dương Hồng Thiên	SMT	Xác định thời hạn 12 tháng	7516132360	22/07/2021	30/09/2021	1.000.000	Dương Hồng Thiên	700005955276	Ngân hàng Shinhan	271644071
16	Nguyễn Thị Ngọc Hân	SMT	Xác định thời hạn 12 tháng	4706105890	22/07/2021	30/09/2021	1.000.000	Nguyễn Thị Ngọc Hân	700010469805	Ngân hàng Shinhan	271845182
17	Võ Thị Lành	SMT	Xác định thời hạn 12 tháng	7511204742	22/07/2021	30/09/2021	1.000.000	Võ Thị Lành	700017351909	Ngân hàng Shinhan	186894947
18	Nguyễn Thị Hoài	REWORK	Xác định thời hạn 12 tháng	4025290134	22/07/2021	30/09/2021	1.000.000	Nguyễn Thị Hoài	700019614262	Ngân hàng Shinhan	187448506

19	Nguyễn Thị Nhân	SMT	Xác định thời hạn 12 tháng	6822183975	22/07/2021	30/09/2021	1.000.000	Nguyễn Thị Nhân	700019614337	Ngân hàng Shinhan	251314498
20	Hoàng Thị Vui	SMT	Xác định thời hạn 12 tháng	4018752833	22/07/2021	30/09/2021	1.000.000	Hoàng Thị Vui	700019614312	Ngân hàng Shinhan	186757543
21	Lương Thị Bích Ngọc	ASSY	Xác định thời hạn 12 tháng	7911144421	22/07/2021	30/09/2021	1.000.000	Lương Thị Bích Ngọc	700019539570	Ngân hàng Shinhan	086186000561
22	Bùi Nguyễn Thủy Tiên	ASSY	Xác định thời hạn 12 tháng	7512034136	22/07/2021	30/09/2021	1.000.000	Bùi Nguyễn Thủy Tiên	700019614255	Ngân hàng Shinhan	371370387
23	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	QC	Xác định thời hạn 12 tháng	8924758743	22/07/2021	30/09/2021	1.000.000	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	700019614270	Ngân hàng Shinhan	352484360

III. Hỗ trợ người lao động ngừng việc đang nuôi con để hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi

TT	Họ và tên	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số tiền hỗ trợ (dvt: đồng)	Tên tài khoản	Số TK	Ngân hàng	Số CMND/thẻ căn cước công dân
1	Trần Hoàng Thương	Trần Tuấn Dương	29/09/2018	Đặng Huyền Trân Nghi	1000000	Trần Hoàng Thương	700014462644	Ngân hàng Shinhan	321318335
2	Võ Thị Lành	Nguyễn Thanh Trúc Nguyễn Võ Nhân	27/06/2019 06/01/2016	Nguyễn Cảnh Toàn	1000000 1000000	Võ Thị Lành	700017351909	Ngân hàng Shinhan	186894947
3	Nguyễn Thị Nhân	Ngô Thị Anh Thư	29/12/2019	Ngô Khắc Lộc	1000000	Nguyễn Thị Nhân	700019614337	Ngân hàng Shinhan	251314498
4	Hoàng Thị Vui	Đào Huyền An	28/03/2017	Đào Mạnh Trường	1000000	Hoàng Thị Vui	700019614312	Ngân hàng Shinhan	186757543
5	Lương Thị Bích Ngọc	Lâm Tấn Sang	14/09/2017	Lâm Văn Hiệp	1000000	Lương Thị Bích Ngọc	700019539570	Ngân hàng Shinhan	086186000561
6	Bùi Nguyễn Thủy Tiên	Phạm Tuấn Kiệt	29/08/2018	Phạm Trần Trung Kha	1000000	Bùi Nguyễn Thủy Tiên	700019614255	Ngân hàng Shinhan	371370387
7	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nguyễn Khoa Nam	07/01/2019	Nguyễn Văn Đầu	1000000	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	700019614270	Ngân hàng Shinhan	352484360
TỔNG CỘNG (I + II)					31.000.000				

Tổng số tiền hỗ trợ là: 31.000.000 đồng
(Ba mươi một triệu đồng chẵn)

